

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 06/2018/DS-ST

Ngày 02/10/2018

*“V/v Tranh chấp
về hợp đồng vay tài sản”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Quân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Lưu Ngọc Khoa

Thư ký phiên tòa: Ông Điều SMi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2018/TLST - DS ngày 09 tháng 05 năm 2018 về việc: *“Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST – DS ngày 15 tháng 08 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông Có xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa;

Bị đơn: Anh Lê Thanh H, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông Có xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 05 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Vào ngày 11/5/2016 tôi và anh Lê Thanh H đã thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng. Theo biên bản thỏa thuận thì anh H có trách nhiệm trả cho tôi số tiền là 100.000.000 đồng vào 02 đợt. Anh H đã trả cho tôi số tiền là 50.000.000 đồng còn 50.000.000 đồng đến ngày 25/12/2017 Anh H phải giao cho tôi. Nhưng đến ngày 25/12/2017 tôi có đến gặp anh H để yêu cầu anh H trả nhưng anh H không chịu trả. Do đó, tôi làm đơn ra Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức để yêu cầu anh H trả cho tôi số tiền là 50.000.000 đồng. Không yêu cầu anh Phải

phải trả lại;

Anh H xin đến ngày 28/3/2019 trả 20.000.000 đồng và ngày 28/3/2020 trả số tiền là 30.000.000 đồng. Tôi không đồng ý.

Về án phí: Anh H vi phạm nên anh H phải chịu án phí sơ thẩm

- Ý kiến của bị đơn Lê Thanh H trình bày: Thừa nhận là vào ngày 11/5/2016 tôi và chị T có làm biên bản thỏa thuận chia tài sản. tôi có trách nhiệm trả cho chị T số tiền 100.000.000 đồng làm 02 đợt. Tôi đã trả được 50.000.000 đồng còn 50.000.000 đồng hẹn chị T đến ngày 25/12/2017 sẽ trả nhưng hiện tại điều kiện khó khăn nên xin chị T trả số tiền trên vào ngày 28/3/2019 là 20.000.000 đồng và ngày 28/3/2020 là 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Nguyên đơn chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc anh H phải trả số tiền gốc là 50.000.000 đồng; Bị đơn anh H thừa nhận số nợ nhưng xin trả dần;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng và hướng xử lý vụ án: Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, người tham gia tố tụng chấp hành quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 119; Khoản 2 Điều 357; Điều 463; Điều 464; Điều 465; Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh H không cung cấp được chứng cứ nào khác và cũng thừa nhận số nợ là 50.000.000 đồng nên cần chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị T. Buộc anh H phải trả số tiền là 50.000.000 đồng theo bộ luật dân sự năm 2015 là có căn cứ và buộc anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng do anh H thuộc diện hộ nghèo tại địa phương nên miễn toàn bộ án phí DSST cho anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện Tòa án đã triệu tập các đương sự trong vụ án lên, tổng đạt các thủ tục tố tụng, tiến hành lấy lời khai, công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự theo quy định nhưng các bên không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án ban hành quyết định đưa ra xét xử theo đúng thủ tục tố tụng; Bị đơn anh Lê Thanh H địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm

quyền của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T và anh H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

* Về quan hệ pháp luật và nội dung tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của Nguyễn Thị T yêu cầu anh Lê Thanh H phải trả số tiền là 50.000.000 đồng theo biên bản thỏa thuận chia tài sản ngày 11/5/2016 có xác nhận của chính quyền địa phương. Thời hạn anh H phải trả số tiền 50.000.000 đồng cho chị T là vào 25/12/2017. Nhưng đến thời điểm trả số tiền 50.000.000 đồng nguyên đơn yêu cầu trả nợ bị đơn không chịu trả. Do đó, nguyên đơn mới khởi kiện để buộc anh Lê Thanh H phải trả số tiền gốc là 50.000.000 đồng và bị đơn anh H cũng thừa nhận số nợ như nguyên đơn cung cấp nhưng xin trả dần. Nên vụ án này có quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự;

* Nhận định của Hội đồng xét xử:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự giao nộp chứng cứ gốc là biên bản thỏa thuận phân chia tài sản ngày 11/5/2016. Tòa án đã tiến hành họp công khai chứng cứ cho các đương sự được biết; các đương sự đều thừa nhận chứng cứ trong hồ sơ là có thực, nhưng trong quá trình Tòa án hòa giải thì nguyên đơn chị T yêu cầu bị đơn anh Lê Thanh H phải trả toàn bộ số tiền thành 01 lần nhưng anh H thừa nhận số nợ nhưng xin trả dần trong năm 2019 và 2020

[2] Trước khi chị Nguyễn Thị Th khởi kiện vụ án này ra Tòa án thì chị Th có trình bày khi đến hạn trả số tiền như biên bản thỏa thuận ngày 11/5/2016 thì chị T có điện thoại yêu cầu nhưng anh H không chịu trả theo như giấy hẹn điều này thể hiện anh H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo khoản 1 Điều 466 – bộ luật dân sự năm 2015;

[3] Phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thì anh H thừa nhận có làm thỏa thuận nhưng điều kiện khó khăn chưa trả được cho chị T số tiền là 50.000.000 đồng. Chị T yêu cầu anh H trả ngay thành 01 lần nhưng anh H xin trả dần thành 02 đợt; các bên không thống nhất được với nhau về lần trả nên đề nghị giải quyết theo quy định;

[4] Biên bản thỏa thuận phân chia tài sản ngày 11/5/2016 các đương sự đều thừa nhận là có thực nên không cần phải chứng minh

Việc thỏa thuận giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đến thời hạn trả chị T có gọi điện cho anh H để yêu cầu anh H thực hiện theo cam kết nhưng anh H vẫn không chịu trả nên chị T mới làm đơn khởi kiện. Như vậy, anh H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Buộc anh Lê Thanh H phải trả số tiền là 50.000.000 đồng

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc anh Lê Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Thanh H cung cấp cho Tòa án giấy chứng nhận hộ nghèo theo giấy chứng nhận số 251/GCN-HN.HCN ngày 03/01/2017 UBND xã Q nơi bị đơn cư trú thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên cần miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 184; Điều 266; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 357; Điều 464; Điều 466 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với anh Lê Thanh H

1. Buộc anh Lê Thanh H phải trả số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) cho chị Nguyễn Thị T.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí DSST: Số tiền là 1.250.000 đồng(Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng): anh Lê Thanh H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 1.250.000 đồng;

Trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền là 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000679 ngày 09/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đắk Nông.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Phạm Văn Quân